

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH KON TUM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 99/2022/NQ-HĐND

Kon Tum, ngày 12 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi, quy định vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Kon Tum

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KON TUM
KHOÁ XII KỲ HỌP THỨ 4

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ về hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi; Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;

Căn cứ Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi;

Xét Tờ trình số 198/TTr-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Dự thảo Nghị quyết Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi, quy định vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo số 394/BC-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2022 và Báo cáo số 400/BC-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, ý kiến thảo luận Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi (*trừ việc nuôi động vật làm cảnh, nuôi động vật trong phòng thí nghiệm mà không gây ô nhiễm môi trường*), quy định vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Đối tượng áp dụng: Cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chăn nuôi; các tổ chức, cá nhân có hoạt động chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 2. Khu vực không được phép chăn nuôi

1. Khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi: Chi tiết tại phụ lục kèm theo.

2. Các cơ sở chăn nuôi thuộc khu vực không được phép chăn nuôi hoạt động trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 phải ngừng hoạt động hoặc di dời đến địa điểm phù hợp theo quy định.

Điều 3. Quy định vùng nuôi chim yến

1. Vùng nuôi chim yến là vùng nằm ngoài khu vực không được phép chăn nuôi theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết này. Đồng thời vùng nuôi chim yến phải bảo đảm phù hợp tập tính hoạt động của chim yến, phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương và không gây ảnh hưởng đến đời sống của cư dân tại khu vực nuôi chim yến.

2. Các cơ sở nuôi chim yến đã hoạt động trước ngày Nghị quyết có hiệu lực thi hành mà nằm trong khu vực không được phép chăn nuôi theo quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này thì phải giữ nguyên trạng, không được coi nói; trường hợp nhà yến nằm trong khu dân cư, nhà yến cách khu dân cư dưới 300m thì không được sử dụng loa phóng phát âm thanh.

Điều 4. Hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi

1. Đối tượng thụ hưởng

Chủ cơ sở chăn nuôi trong khu vực không được phép chăn nuôi quy định tại Điều 2 Nghị quyết này thực hiện việc kê khai hoạt động chăn nuôi về loại vật nuôi và số lượng vật nuôi tối thiểu phải kê khai theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi.

2. Nguyên tắc hỗ trợ

Hỗ trợ đối với các cơ sở chăn nuôi di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi, việc hỗ trợ được thực hiện sau khi hoàn thành việc di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi.

3. Các chính sách hỗ trợ

a) Hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi:

Các cơ sở chăn nuôi thuộc khu vực không được phép chăn nuôi quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này khi chấm dứt hoạt động chăn nuôi và di dời đến khu vực được phép chăn nuôi thì được hỗ trợ kinh phí với các mức cụ thể như sau:

- Chăn nuôi nông hộ:

+ Từ 01 đến dưới 05 đơn vị vật nuôi: 02 triệu đồng/cơ sở.

+ Từ 05 đến dưới 10 đơn vị vật nuôi: 05 triệu đồng/cơ sở.

- Chăn nuôi trang trại quy mô vừa và nhỏ: 10 triệu đồng/cơ sở.

- Chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 20 triệu đồng/cơ sở.

b) Hỗ trợ ổn định đời sống cho chủ cơ sở, người lao động trực tiếp tại các cơ sở chăn nuôi khi thực hiện di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi và đang trong thời gian xin việc hoặc đang tìm việc mới với mức hỗ trợ tương đương 15 kg gạo/lao động/tháng, trong thời gian 06 tháng, theo giá thị trường tại thời điểm hỗ trợ. Số lao động được hỗ trợ theo quy mô chăn nuôi như sau:

- Chăn nuôi nông hộ: 01 lao động/cơ sở.

- Chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ (từ 10 đến dưới 30 đơn vị vật nuôi): không quá 03 lao động/cơ sở.

- Chăn nuôi trang trại quy mô vừa (từ 30 đến dưới 300 đơn vị vật nuôi): không quá 05 lao động/cơ sở.

- Chăn nuôi trang trại quy mô lớn (từ 300 đơn vị vật nuôi trở lên): Chủ cơ sở và hợp đồng lao động thực tế tại cơ sở.

4. Nguồn kinh phí hỗ trợ: Ngân sách địa phương thực hiện theo phân cấp và các nguồn hợp pháp khác.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Khoá XII Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 22 tháng 12 năm 2022./.

Nơi nhận: *Đu*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu Quốc hội;
- Bộ Tư pháp (*Cục kiểm tra văn bản QPPL*);
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Kon Tum;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐ.



CHỦ TỊCH

Đu
Dương Văn Trang

PHỤ LỤC
KHU VỰC THUỘC NỘI THÀNH CỦA THÀNH PHỐ, THỊ TRẤN,
KHU DÂN CƯ KHÔNG ĐƯỢC PHÉP CHĂN NUÔI
(Kèm theo Nghị quyết số 99/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)

TT	Khu vực không được phép chăn nuôi
I	Thành phố Kon Tum
1	Phường Quyết Thắng
2	Phường Quang Trung: Tổ dân phố 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12;
3	Phường Thống Nhất: Tổ dân phố 1 (Tuyến đường Nguyễn Huệ, Ngô Quyền, Nguyễn Trãi); Tổ dân phố 2 (Tuyến đường Nguyễn Huệ, Hoàng Diệu, Ngô Quyền, Lý Thái Tổ, Kapakolong); Tổ dân phố 3 (Tuyến đường Trần Hưng Đạo, Lý Tự Trọng); Tổ dân phố 4 (Tuyến đường Đào Duy Từ, Trần Hưng Đạo, Ngô Quyền); Tổ dân phố 5 (Tuyến đường Trần Hưng Đạo, Triệu Việt Vương, Ngô Quyền); Tổ dân phố 6 (Tuyến đường Trần Phú, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Đình Chiểu).
4	Phường Thắng Lợi: Tổ dân phố 1, 2, 3, 5, 6, 7;
5	Phường Lê Lợi: Tổ dân phố 1, 2, 3; Thôn Plei Rohai 2: Từ mặt đường vào 30m các tuyến đường Ngô Đức Kế (đoạn từ đường Đồng Nai đến đường Ngô Văn Sở), đường Lê Thị Hồng Gấm (đoạn từ đường Đồng Nai đến đường Nguyễn Tri Phương), đường Nguyễn Thái Bình (đoạn từ đường Đồng Nai đến đường Nguyễn Tri Phương), đường Nguyễn Lương Bằng (đoạn từ đường Đồng Nai đến đường Nguyễn Tri Phương)
6	Phường Trường Chinh: Tổ dân phố 1, 2, 3, 4, 5; Tuyến đường Duy Tân thuộc thôn Kon Tu II; Tuyến đường Trần Văn Hai thuộc thôn Sơ Lam II.
7	Phường Duy Tân: Tổ dân phố 4, 5, 6, 7, 8, 9;
8	Phường Trần Hưng Đạo: tuyến đường Phạm Văn Đồng thuộc Tổ 3, 4, 5;
9	Phường Ngô mây: Tuyến đường Nguyễn Nhạc thuộc Tổ dân phố 1; Tuyến đường Nguyễn Hữu Thọ thuộc Tổ dân phố 1 và Tổ dân phố 2; Tuyến đường Phan Đình Phùng thuộc Tổ dân phố 2 và Tổ dân phố 3; Tuyến đường Nguyễn Phan Vinh thuộc Tổ dân phố 1; Tuyến đường Bùi Công Trừng thuộc Tổ dân phố 3; Tuyến đường Tôn Đức Thắng thuộc thôn Thanh Trung.
10	Phường Nguyễn Trãi: Từ mặt đường vào 30m đối với tuyến đường Nguyễn

TT	Khu vực không được phép chăn nuôi
	Văn Linh, thuộc Tổ dân phố 1, 2, 3, 4 (đoạn từ đường Trần Đại Nghĩa đến Cầu Đăk Tía); Tuyến đường Tôn Đản, thuộc Tổ dân phố 1 (đoạn từ đường Nguyễn Văn Linh đến đường Phan Văn Viêm); Tuyến đường Lương Thế Vinh thuộc Tổ dân phố 1, 2 (đoạn từ đường Nguyễn Văn Linh đến đường Phan Văn Viêm); Tuyến đường Mai Xuân Thuởng thuộc Tổ dân phố 2, 3 (đoạn từ đường Nguyễn Văn Linh đến đường Phan Văn Viêm); Tuyến đường Hồ Quý Ly thuộc Tổ dân phố 3 (đoạn từ đường Nguyễn Văn Linh đến đường Phan Văn Viêm); Từ tuyến đường Nguyễn Văn Linh đến hẻm 21 đường Đặng Tất thuộc Tổ dân phố 3,4; Khu dân cư, Tuyến đường Trương Vĩnh Ký thuộc Tổ dân phố 4; Tuyến đường Phan Văn Viêm, thuộc Tổ dân phố 1, 2, 3 (đoạn từ đường Tôn Đản đến đường Đặng Tất).
II	Huyện Đăk Hà
1	Thị trấn Đăk Hà: Khu dân cư các Tổ dân phố 1, 2A, 2B, 3, 4A, 4B, 5, 6, 7, 8, 10, thôn Kon Trang, thôn Long Loi.
III	Huyện Sa Thầy
1	Thị trấn Sa Thầy: Khu dân cư các thôn 1, thôn 2; thôn 3 (khu dân cư thuộc tuyến đường Trần Hưng Đạo và Lê Hồng Phong); Thôn 4 (khu dân cư thuộc tuyến đường Hàm Nghi, Lê Duẩn, Phan Bội Châu).
IV	Huyện Đăk Tô
1	Thị trấn Đăk Tô: Khu dân cư Tổ 6 thuộc Khối 1; Khu dân cư các Tổ 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 thuộc Khối 2; Khu dân cư các Tổ 2, 3, 4, 5, 6 thuộc Khối 3; Khu dân cư các Tổ 1,2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 thuộc Khối 4; Khu dân cư các Tổ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 thuộc Khối 5; Khu dân cư các Tổ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 thuộc Khối 6; Khu dân cư các Tổ 7, 8 thuộc Khối 7; Khu dân cư các Tổ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 thuộc Khối 8; Khu dân cư các Tổ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 thuộc Khối 9; Khu dân cư các Tổ 1, 2, 3, 4, 5 thuộc Khối 10; Khu dân cư các Tổ 7, 8 thuộc Thôn Đăk Rao lớn.
V	Huyện Kon Rẫy
1	Thị trấn Đăk Rờ Ve: Khu dân cư các thôn 1, 2, 3, 4, 5, 9 thuộc; Xã Tân Lập (Khu dân cư các thôn 1, 2); xã Đăk Ruồng (Khu dân cư các thôn 8, 9, 10,13).
VI	Huyện Ngọc Hồi
1	Thị trấn Plei Kần: Khu dân cư các Tổ dân phố 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7.

TT	Khu vực không được phép chăn nuôi
VII Huyện Đắk Glei	
1	Thị trấn Đắk Glei: Khu dân cư các Tổ dân phố Đắk Xanh, 16/5, Đắk Ra, Đông Sông, Đắk Dung.
VIII Huyện Kon Plông	
1	Thị trấn Măng Đen: Khu dân cư các Tổ dân phố 1, 2, 3, 4.
IX Huyện Tu Mơ Rông	
1	Khu dân cư các thôn Ngọc Leng, thôn Tu Mơ Rông, thôn Mô Pả thuộc xã Đắk Hà dọc hai bên tuyến Quốc lộ 40B từ km 162+900 đến đến km 179 + 200 (<i>Dọc tuyến Quốc lộ 40B từ km 162+900 thuộc thôn Ngọc Leng, từ 174+400 đến km 177+601 thuộc thôn Tu Mơ Rông, từ km 179 + 200 thuộc thôn Mô Pả xã Đắk Hà</i>).
X Huyện Ia H'Drai	
1	Khu dân cư thôn 1, xã Ia Tơi hai bên dọc tuyến đường Quốc lộ 14C (<i>khu trung tâm hành chính huyện</i>) từ km 86+200 đến km 88+600.